

Bản án số: 108/2026/HNGĐ - ST
Ngày: 05/5/2026
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HÀ TĨNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Sỹ Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thu Hiền, bà Nguyễn Thị Xoan.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phú Quý -Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 -Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh: Bà Võ Thị Linh -Kiểm sát viên.

Vào hồi 13 giờ 30phút, ngày05/5/2026 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 08/2026/TLST -HNGĐ, ngày 07 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2026/QĐXXST -HNGĐ, ngày 03 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2026/QĐST-HNGĐ ngày 20/4/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị L, sinh năm 1971, căn cước công dân: 042171001009.Địa chỉ: Tổ dân phố L, phường T, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Trần Hà T, sinh năm 1981, CMND: 183170967. Địa chỉ: Thôn D, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt không rõ lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/12/2025, bản tự khai ngày 07/01/2026 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị L trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Nguyên đơn chị Trương Thị L và bị đơn anh Trần Hà T đăng ký kết hôn với nhau ngày 05/5/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ (nay là xã Đ), tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn chị L và anh T về sống tại nhà riêng của chị L tại phường T, tỉnh Hà Tĩnh, chị L và anh T sống được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do anh T, xích mích với con trai riêng của chị L. Đến ngày 12/9/2020 thì anh T bỏ đi cho đến nay đã nhiều lần chị L gọi điện cho anh T suy nghĩ lại để về vợ chồng đoàn tụ nhưng anh T dứt khoát không về. Nay, chị L thấy không còn tình cảm với anh T, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu ly hôn anh T để ổn định cuộc sống.

- *Về con chung:* Chị L và anh T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị L, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Trần Hà T, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh địa chỉ, nơi sinh sống của anh Trần Hà T, xác định anh T có hộ khẩu thường trú tại thôn D, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh, hiện anh T vẫn thường xuyên đi về nhà mẹ đẻ tại thôn Diên Phúc, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Mẹ đẻ của anh T là bà Nguyễn Thị T1 đã thông báo nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh T biết đồng thời qua bà T1 thì anh T cũng trình bày ý kiến về việc đồng ý ly hôn chị L, con chung, tài sản chung, nợ chung không có nên không có yêu cầu gì, vì anh T là lao động tự do nên cũng không cung cấp cho bà Tâm địa C cụ thể.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng*: Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn anh Trần Hà T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa lần thứ nhất và lần thứ hai là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, **khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53**, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị L: Chị Trương Thị L được ly hôn với anh Trần Hà T.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Miễn xét.

Về án phí: Buộc chị Trương Thị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. *Về thẩm quyền giải quyết*: Chị Trương Thị L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Trần Hà T. Anh Trần Hà T đăng ký thường trú tại thôn D, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. *Về quan hệ pháp luật*: Xét đơn khởi kiện của Chị Trương Thị L yêu cầu được ly hôn anh Trần Hà T do đó xác định đây là vụ án “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. *Về việc vắng mặt đương sự*: Chị Trương Thị L có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc cũng như tại phiên Tòa, anh Trần Hà T vắng mặt không có lý do trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nên vụ án không tiến hành hòa giải được và tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại

khoản 1, khoản 2 điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trương Thị L và anh Trần Hà T đăng ký kết hôn ngày 05/5/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ (nay là xã Đ), tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Sau khi kết hôn một thời gian, chị L và anh T phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay chị L không còn tình cảm nên yêu cầu ly hôn anh T. Đối với anh T thì quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh T không đến Tòa án làm việc, chỉ qua gia đình, anh T cũng đồng ý đối với yêu cầu ly hôn của chị L cho thấy anh T2 còn tình cảm đối với chị L. Giữa chị L và anh T đã không còn sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, giúp đỡ nhau, cuộc sống chung, quan hệ hôn nhân thực tế đã không tồn tại trong một thời gian dài. Do đó có căn cứ để khẳng định tình trạng của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp với quy định tại **khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56** Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. *Về con chung*: Trong thời kỳ hôn nhân giữa chị L và anh T không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. *Về án phí*: Chị Trương Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và danh mục án phí kèm theo.

[4]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự thực hiện quyền kháng cáo bản án theo quy định tại điều 271; Khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5]. *Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát*: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa. Hội đồng xét xử thấy ý kiến của Viện Kiểm sát là có căn cứ pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Về điều luật áp dụng: Căn cứ **khoản 1 Điều 28, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 238, Điều 271; khoản 1 điều 273** Bộ luật tố tụng dân sự. **khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 57** Luật Hôn nhân và gia đình; **Điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27** Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và danh mục án phí kèm theo.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị L: Chị Trương Thị L được ly hôn với anh Trần Hà T.

2. *Về con chung, tài sản chung, nợ chung:* Miễn xét

3. *Về án phí:* Chị Trương Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000017 ngày 07/01/2026 của cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh. Chị Trương Thị L đã nộp đủ.

4. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSNDKV3- Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Đức Minh, tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Sỹ Nam